

Số: 1524/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 08 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ Liên đoàn Quần vợt thành phố Cần Thơ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Liên đoàn Quần vợt thành phố Cần Thơ và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1777/TTr-SNV ngày 10 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Liên đoàn Quần vợt thành phố Cần Thơ đã được Đại hội lần thứ I, nhiệm kỳ 2024 - 2029 của Liên đoàn Quần vợt thành phố Cần Thơ thông qua ngày 18 tháng 5 năm 2024 (Đính kèm Điều lệ).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Liên đoàn Quần vợt thành phố Cần Thơ, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND TP (1AD);
- VP UBND TP (2AD, 3C);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT,ND.

H



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thục Hiện



ĐIỀU LỆ
LIÊN ĐOÀN QUẦN VỢT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 1524 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ*)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

- Tên gọi: Liên đoàn Quần vợt thành phố Cần Thơ.
- Viết tắt: Liên đoàn Quần vợt Cần Thơ.
- Tên giao dịch quốc tế: Cantho city Tennis Federation.
- Viết tắt: CTF.
- Liên đoàn Quần vợt Cần Thơ có logo và biểu tượng riêng.

Điều 2. Tôn chỉ mục đích

- Tôn chỉ: Liên đoàn Quần vợt thành phố Cần Thơ (sau đây gọi tắt là Liên đoàn) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài thành phố tán thành Điều lệ, tự nguyện tham gia Liên đoàn.
- Mục đích: Liên đoàn hoạt động nhằm mục đích tuyên truyền, vận động và hướng dẫn quần chúng tham gia tập luyện; tổ chức thi đấu, giao lưu, đoàn kết, hữu nghị, góp phần nâng cao sức khỏe, trình độ thi đấu, từng bước đưa phong trào quần vợt thành phố phát triển.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

- Liên đoàn có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Liên đoàn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phê duyệt.
- Trụ sở của Liên đoàn tại: Số 03 Lê Lợi, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn

- Liên đoàn hoạt động trong địa bàn thành phố, hoạt động trong lĩnh vực môn Quần vợt theo quy định của pháp luật và là thành viên của Liên đoàn Quần vợt Việt Nam.
- Liên đoàn hoạt động chịu sự quản lý Nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Sở, ban ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn và theo pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; các quy định của pháp luật liên quan đến tổ chức, hoạt động của Liên đoàn.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

Chương II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA LIÊN ĐOÀN

Điều 6. Nhiệm vụ của Liên đoàn

1. Tuyên truyền giáo dục quần chúng, hội viên của Liên đoàn về chủ trương, đường lối của Đảng, phương hướng phát triển sự nghiệp thể dục thể thao của Nhà nước và Liên đoàn Quần vợt Việt Nam với tinh thần “Thể thao đoàn kết, trung thực, cao thượng”.
2. Hình thành và phát triển câu lạc bộ quần vợt ở quận, huyện, thành phố và các sở, ban ngành, cơ quan, đơn vị; đặc biệt chú trọng các đối tượng thanh thiếu niên, nhi đồng.
3. Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước để tổ chức đoàn vận động viên tham gia các giải do Liên đoàn Quần vợt Việt Nam tổ chức; tổ chức các cuộc thi đấu cấp thành phố, các cuộc thi đấu khu vực và toàn quốc trên địa bàn thành phố.
4. Vận động các tổ chức, cá nhân, đơn vị tài trợ, đóng góp trên tinh thần tự nguyện theo quy định của pháp luật.
5. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật.
6. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Liên đoàn theo quy định của pháp luật.
7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Liên đoàn theo đúng quy định của pháp luật.
8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 7. Quyền hạn của Liên đoàn

1. Tuyên truyền mục đích của Liên đoàn.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Liên đoàn.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Liên đoàn theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Liên đoàn; kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến sự phát triển của Liên đoàn; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Liên đoàn.

6. Thành lập các pháp nhân thuộc Liên đoàn theo quy định của pháp luật.

7. Được thành lập quỹ Liên đoàn trên cơ sở hội phí của tổ chức thành viên, hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

8. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao (nếu có).

Chương III

HỘI VIÊN, THẺ THỨC GIA NHẬP, RA KHỎI LIÊN ĐOÀN

Điều 8. Tổ chức thành viên và hội viên của Liên đoàn được quy định như sau

1. Tổ chức thành viên: Các câu lạc bộ, hội Quần vợt, hội cổ động viên trên địa bàn thành phố thừa nhận và chấp hành Điều lệ của Liên đoàn, tự nguyện tham gia, đóng lệ phí hàng năm đầy đủ đều được công nhận là tổ chức thành viên của Liên đoàn.

2. Hội viên: Tất cả mọi công dân Việt Nam đang học tập, công tác, sinh sống tại thành phố Cần Thơ, tán thành Điều lệ của Liên đoàn, tự nguyện gia nhập Liên đoàn, đóng hội phí, tham gia sinh hoạt tại một tổ chức thành viên đều có thể trở thành hội viên.

Những người có công đóng góp lớn cho Liên đoàn nhưng không có điều kiện tham gia sinh hoạt thì có thể được kết nạp là hội viên danh dự.

Điều 9. Quyền lợi, nghĩa vụ của các tổ chức thành viên, hội viên

1. Các tổ chức thành viên, hội viên có quyền:

- a) Đề xuất, thảo luận về chủ trương, kế hoạch hoạt động của Liên đoàn;
- b) Đối với các hội viên đủ 18 tuổi trở lên có quyền đề cử, ứng cử để bầu cử vào Ban Chấp hành Liên đoàn;
- c) Giám sát hoạt động của Ban Chấp hành Liên đoàn;
- d) Được Liên đoàn bảo vệ quyền lợi chính đáng có liên quan đến Quần vợt;

đ) Được cấp thẻ hội viên.

2. Tổ chức thành viên, hội viên có nghĩa vụ:

a) Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ, Nghị quyết, các quy định và quy chế của Liên đoàn;

c) Bảo vệ uy tín của Liên đoàn, không được nhân danh Liên đoàn trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được Lãnh đạo Liên đoàn phân công bằng văn bản;

d) Được tham gia thảo luận, được kiến nghị, đề xuất, được khen thưởng theo quy định của pháp luật;

đ) Tích cực đóng góp vào sự phát triển của các môn Quần vợt trong thành phố;

e) Tham gia sinh hoạt, đóng hội phí đầy đủ.

Điều 10. Thủ tục gia nhập (ra khỏi) Liên đoàn

1. Thủ tục gia nhập Liên đoàn:

a) Tổ chức thành viên:

- Đơn xin gia nhập Liên đoàn (phải ghi rõ lời cam kết chấp hành Điều lệ Liên đoàn);

- Đơn của các tổ chức được người đứng đầu tổ chức đó ký tên, đóng dấu;

- Bản sao quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền;

- Danh sách Ban Chủ nhiệm;

- Điều lệ, hoặc quy chế hoạt động;

- Đóng lệ phí theo quy định của Liên đoàn.

b) Các hội viên:

- Đơn xin gia nhập Liên đoàn (phải ghi rõ lời cam kết chấp hành Điều lệ Liên đoàn);

- Bản sơ yếu lý lịch (có xác nhận của chính quyền địa phương, hoặc cơ quan quản lý).

2. Ra khỏi Liên đoàn:

a) Trường hợp muốn ra khỏi Liên đoàn: các tổ chức thành viên, hội viên làm đơn gửi Ban Chấp hành Liên đoàn xem xét và quyết định bằng văn bản;

b) Khai trừ tổ chức thành viên, hội viên: tổ chức thành viên, hội viên sẽ bị khai trừ khỏi Liên đoàn khi vi phạm những quy định sau:

- Trong vòng 90 ngày không nộp các khoản Hội phí theo quy định;

- Bị kỷ luật ở hình thức cảnh cáo quá 03 lần do vi phạm các nội quy và Điều lệ của Liên đoàn;
- Không tham gia các hoạt động của Liên đoàn trong thời gian 06 tháng mà không có lý do chính đáng.

Chương IV

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN ĐOÀN

Điều 11. Cơ cấu tổ chức Liên đoàn

1. Đại hội nhiệm kỳ và Đại hội bất thường.
2. Ban Chấp hành Liên đoàn.
3. Ban Thường vụ Liên đoàn.
4. Ban Kiểm tra Liên đoàn.
5. Văn phòng.
6. Các Ban chuyên môn của Liên đoàn (nếu cần).
7. Các Câu lạc bộ Quần vợt tại các quận, huyện, các ngành, đơn vị ở thành phố.

Điều 12. Đại hội thường kỳ và Đại hội bất thường

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên đoàn là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Liên đoàn (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và báo cáo tài chính của Liên đoàn;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác (nếu có);

e) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 13. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Liên đoàn là cơ quan lãnh đạo Liên đoàn giữa hai nhiệm kỳ Đại hội và do Đại hội bầu trong số các hội viên của Liên đoàn. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Liên đoàn, lãnh đạo các hoạt động của Liên đoàn giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Liên đoàn;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Liên đoàn. Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành; quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên đoàn; quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Liên đoàn; quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Liên đoàn phù hợp với quy định của Điều lệ Liên đoàn và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn;

b) Ban Chấp hành Liên đoàn sáu tháng họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành.

Điều 14. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ Liên đoàn do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Liên đoàn gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên Thường vụ. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định (không quá 1/3 số lượng Ban Chấp hành). Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Liên đoàn; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Liên đoàn giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Liên đoàn theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Liên đoàn;

d) Quyết định kết nạp hội viên và cho hội viên ra khỏi Liên đoàn.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn;

b) Ban Thường vụ mỗi năm họp mỗi quý 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Liên đoàn hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có ít nhất 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành.

Điều 15. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Liên đoàn gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số ủy viên do Ban Chấp hành Liên đoàn bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Kiểm tra do Ban Chấp hành Liên đoàn quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Liên đoàn, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Liên đoàn trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Liên đoàn, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Liên đoàn.

3. Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Kiểm tra ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

Điều 16. Chủ tịch, Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch Liên đoàn là đại diện pháp nhân của Liên đoàn trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Liên đoàn. Chủ tịch Liên đoàn do Ban Chấp hành bầu ra trong số các ủy viên Ban Chấp hành Liên đoàn. Tiêu chuẩn Chủ tịch do Ban Chấp hành Liên đoàn quy định.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Liên đoàn:

a) Tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội, của Hội nghị đại biểu và các quyết định của Ban Chấp hành Liên đoàn;

b) Triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban Chấp hành Liên đoàn, Ban Thường vụ Liên đoàn;

c) Trực tiếp điều hành bộ phận thường trực Liên đoàn;

d) Trực tiếp phụ trách công tác tổ chức - nhân sự - tài chính của Liên đoàn;

đ) Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Liên đoàn và toàn thể hội viên và pháp luật về hoạt động của Liên đoàn;

e) Chủ tịch Liên đoàn được phép ký Quyết định thành lập các ban chuyên môn, văn phòng đại diện, chi hội tại các địa phương theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch:

Phó Chủ tịch Liên đoàn do Ban Chấp hành bầu ra trong số các ủy viên Ban Thường vụ. Số lượng Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành quyết định. Phó Chủ tịch là người giúp việc cho Chủ tịch Liên đoàn, được phân công phụ trách một số công việc và phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và Ban Chấp hành về những công việc được phân công. Trong số các Phó Chủ tịch có một Phó Chủ tịch được phân công thường trực để thay thế Chủ tịch điều hành công việc Liên đoàn khi Chủ tịch vắng mặt.

Điều 17. Thư ký Liên đoàn

Thư ký Liên đoàn do Ban Chấp hành bầu ra. Thư ký Liên đoàn là người giúp việc cho Chủ tịch Liên đoàn, điều hành công việc hàng ngày tại Văn phòng Liên đoàn và có nhiệm vụ sau:

1. Quản lý hoạt động của Văn phòng Liên đoàn.

2. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo công tác với Chủ tịch Liên đoàn, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành về các hoạt động của Liên đoàn; giúp Chủ tịch Liên đoàn chuẩn bị báo cáo nhiệm kỳ thông qua Ban Chấp hành và Ban Thường vụ. Tham mưu giúp Chủ tịch tổng hợp quá trình hoạt động của Liên đoàn và chuẩn bị báo cáo trình các cấp có liên quan khi cần thiết.

Chương V

TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CỦA LIÊN ĐOÀN

Điều 18. Tài chính, tài sản của Liên đoàn

Liên đoàn có tài chính và tài sản độc lập. Liên đoàn được hoạt động kinh tế trong khuôn khổ các chính sách, các quy định của nhà nước để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

Điều 19. Nguồn thu tài chính của Liên đoàn

1. Tiền lệ phí, hội phí do các tổ chức thành viên, hội viên đóng góp theo quy định.
2. Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có).
3. Tiền do trích quỹ trong quá trình tổ chức làm dịch vụ kinh tế.
4. Vận động tài trợ.
5. Tiền từ các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 20. Các khoản chi của Liên đoàn

1. Chi cho các hoạt động của Văn phòng Liên đoàn, trả lương, công tác phí cho cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm, trang bị cơ sở vật chất cho Văn phòng Liên đoàn.
2. Chi cho hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, in ấn tài liệu.
3. Chi cho các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức các giải thi đấu.
4. Chi cho công tác thi đua khen thưởng của Liên đoàn.
5. Chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn cho các thành viên gặp khó khăn.
6. Các khoản chi khác phát sinh.

Chương VI

ĐIỀU KIỆN GIẢI THỂ VÀ THANH QUYẾT TOÁN TÀI SẢN, TÀI CHÍNH

Điều 21. Điều kiện giải thể

1. Liên đoàn không hoạt động liên tục trong thời gian 12 tháng.
2. Có nghị quyết của Đại hội Liên đoàn về việc giải thể.
3. Có quyết định giải thể của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Điều 22. Thanh quyết toán tài sản, tài chính

1. Tài sản, tài chính do các tổ chức trong và ngoài nước tài trợ; tài sản, tài chính do Nhà nước hỗ trợ, sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài sản và thanh toán các khoản nợ thì số tài sản, số dư tài chính còn lại do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

2. Đối với nguồn tài sản, tài chính tự có của Liên đoàn, sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài sản và thanh quyết toán các khoản nợ, sau khi giải thể thì số tài sản, số dư tài chính còn lại do Liên đoàn quyết định.

Chương VII KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 23. Các tổ chức thành viên và hội viên thuộc Liên đoàn có thành tích xuất sắc trong hoạt động phong trào, trong thi đấu đều được Liên đoàn khen thưởng và đề nghị khen thưởng ở cấp cao hơn theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng.

Điều 24. Những tổ chức thành viên và hội viên vi phạm Điều lệ Liên đoàn, làm phương hại đến uy tín, danh dự, đến sự thống nhất của Liên đoàn thì tùy theo mức độ sai phạm chịu các hình thức kỷ luật sau: Khiển trách, cảnh cáo, tước quyền sinh hoạt có thời hạn, khai trừ ra khỏi Liên đoàn.

Điều 25. Các tổ chức thành viên và hội viên nếu vi phạm pháp luật của Nhà nước thì phải chịu xử phạt theo quy định của pháp luật.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Liên đoàn

Chỉ có Đại hội Liên đoàn mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Liên đoàn phải được 2/3 số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Liên đoàn gồm 08 Chương, 27 Điều đã được Đại hội thành lập Liên đoàn lần thứ I, nhiệm kỳ 2024 - 2029 thông qua ngày 18 tháng 5 năm 2024 tại thành phố Cần Thơ và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Liên đoàn và Điều lệ Liên đoàn, Ban Chấp hành Liên đoàn có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.